

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MINH HOÁ  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 15/9/2022

V/v ly hôn giữa chị N và anh L

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* ông Đinh Đức Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đinh Minh Tăng, ông Đinh Hồng Sâm

**- Thư ký phiên toà:** ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

**- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà:** ông Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/HNGĐ – TLST ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Cao Thị N; sinh năm 1984

Địa chỉ: bản L, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Cao L; sinh năm 1991

Địa chỉ: bản L, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị N trình bày:*

- về hôn nhân: chị N và anh L kết hôn năm 2014 tại UBND xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra

mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, anh L ngoại tình, luôn bỏ bê gia đình không chăm lo cho con cái, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh L.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Ngọc D, sinh ngày 17/01/2015 và Cao Ngọc Lê N, sinh ngày 23/3/2018, hiện tại con đang ở với chị N, nguyện vọng của chị N là xin được nuôi hai con.

- nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- tài sản chung: hai vợ chồng có tài sản chung là một thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12 diện tích 19.040 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất. Đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất.

Ngày 26/5/2022, Tòa án xác minh việc vắng mặt của anh Cao L tại Công an xã Hóa Sơn được biết anh L có hộ khẩu thường trú tại bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, hiện có mặt tại địa phương. Ngày 06/7/2022, Tòa án cũng tiến hành xác minh tại nhà của bà Cao Thị H (là mẹ đẻ của anh L) được biết anh L hiện có mặt tại địa phương, anh L cũng đã biết việc chị N làm đơn ly hôn anh L.

Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, thông báo mở lại phiên tòa tại UBND xã Hóa Sơn.

Bị đơn anh Cao L không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý của Tòa án, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và thông báo mở lại phiên tòa của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 173 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc anh L không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 06/7/2022, Tòa án tiến hành xem xét tại chỗ và định giá tài sản, kết quả:

Phần xem xét thẩm định tại chỗ: Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ bằng phương pháp đo máy GPS GARMIN, kết quả: thửa đất số 263, tờ số 12 có tổng diện tích là 19040 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: rừng sản xuất, theo hiện trạng thửa đất 263 được chia thành 02 vị trí do đường giao thông cụ thể:

- vị trí 01: có diện tích 15.101, 6 m<sup>2</sup> có tứ cận như sau: phía Bắc giáp đất ông Cao Phường dài 241,35, phía Tây giáp khe suối dài 69 m, phía Đông giáp đường

giao thông dài 51,17 m, phía Nam giáp đường giao thông và đất của ông Cao Tiến Thông dài 328,71 m. Hiện trạng sử dụng: diện tích 15.101,6 m<sup>2</sup> trồng cây Keo tập trung cao trên 01 m có đường kính 2 cm.

- vị trí 02: được tách ra từ thửa 263 có diện tích 2440 m<sup>2</sup> có tứ cận: phía Tây giáp đất ông Cao Phường dài 44,6 m, phía Đông giáp đất ông Cao Tiến Hùng dài 57,8 m, phía Bắc giáp đất do UBND xã Hóa Sơn quản lý dài 47,4 m, phía Nam giáp đường giao thông dài 49 m. Hiện trạng sử dụng: cây bụi.

Phân định giá tài sản: cây Keo tập trung cao trên 01 m có đường kính 2 cm trên diện tích 15.101,6 m<sup>2</sup> có trị giá: 40.339.000 đ.

Ngày 24/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị N và anh L. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L; về con chung: nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Cao Ngọc D, sinh ngày 17/01/2015 và Cao Ngọc Lê N, sinh ngày 23/3/2018, yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đ/con; nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung: đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12 diện tích 19.040 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân: cho chị Cao Thị N ly hôn anh Cao L; về con chung: giao con chung là Cao Ngọc D và Cao Ngọc Lê N buộc anh Luân cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đ/con; về tài sản chung: Tòa án chia đôi thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12 diện tích 19.040 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Nợ chung:

không có nên không xem xét; chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị N yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung với anh L, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh L kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị N: vợ chồng chị N và anh L không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2020. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là Cao Ngọc D, sinh ngày 17/01/2015 và Cao Ngọc Lê N, sinh ngày 23/3/2018, Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại hai con đang ở chị N, cháu D có nguyện vọng ở với chị N, chị N cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu D và cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 82 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình buộc anh Cao L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 750.000 đ/con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

[5]. Về khoản vay nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung:

[6.1]. Xác định hai vợ chồng có tài sản chung là một thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12 diện tích 19.040 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất. Tại phiên tòa chị N đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất này, Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của chị N là thỏa đáng, cần chia đôi thửa đất trên để đảm bảo quyền lợi cho chị N. Diện tích thửa đất chia cụ thể như sau, chia cho chị N: diện tích đất 8.842,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất có tứ cận như sau: phía Nam từ điểm điểm 10 đến điểm 12 giáp đất ông Cao Phường và đường giao thông, phía Tây từ điểm 12 đến điểm 13 giáp khe suối, phía Bắc từ điểm 13 đến 14 giáp đất ông Cao Phường, phía Đông từ điểm 14 đến điểm 09 thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12. Chia cho anh L: diện tích đất 8.699,7 m<sup>2</sup> gồm hai vị trí thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất có tứ cận như sau: vị trí 01 từ điểm 06 đến điểm 14, có tứ cận: phía Đông từ điểm 6 đến điểm 7 giáp đường giao thông, phía Nam từ điểm 7 đến điểm 9 giáp đất ông Cao Tiến Hùng và đường giao thông, phía Tây từ điểm 9 đến điểm 14 thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, phía Bắc từ điểm 14 đến điểm 6 giáp đất của ông Cao Phường; vị trí 02 từ điểm 01 đến điểm 05, có tứ cận: phía Đông từ điểm 01 đến điểm 03 giáp đất của UBND xã Hóa Sơn quản lý, phía Nam từ điểm 03 đến điểm 04 giáp đất của ông Cao Tiến Hùng, phía Tây từ điểm 04 đến điểm 05 giáp đường giao thông, phía Bắc từ điểm 05 đến điểm 01 giáp đất ông Cao Phường (có sơ đồ kèm theo).

[6.2]. Xác định cây Keo tập trung cao trên 01 m có đường kính 2 cm trên diện tích 15.101,6 m<sup>2</sup> có trị giá: 40.339.000 đ là tài sản chung của chị N và anh L.

Chia cho chị N phần cây Keo trên đất mà chị N được chia tại vị trí 01 có trị giá: 8.842,8 m<sup>2</sup> x 2.671,2 đồng = 23.620.000 đ

Chia cho anh L phần cây Keo trên đất mà anh L được chia tại vị trí 01 có trị giá: 6.259,7 m<sup>2</sup> x 2.671,2 đồng = 16.720.000 đ.

Chị N phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh L số tiền 3.450.000 đ.

[7]. Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: chị Nghĩa đã nộp là 4.000.000 đ, theo quy định tại Điều 157 và 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phải chịu đối với phần tài sản họ được chia do vậy cần buộc anh L phải trả lại cho chị N số tiền 2.000.000 đ.

[8]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[9]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị N và anh L phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 165, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 116 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Cao Thị N ly hôn anh Cao L.

2. Về quan hệ con chung: giao hai con chung là cháu 02 con chung là Cao Ngọc D, sinh ngày 17/01/2015 và Cao Ngọc Lê N, sinh ngày 23/3/2018 cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Cao L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cao Ngọc D, sinh ngày 17/01/2015 và Cao Ngọc Lê N, sinh ngày 23/3/2018 mỗi tháng 750.000 đồng/con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ nợ chung: không có nên Tòa không xét.

4. Về quan hệ tài sản chung:

4.1. Xác định hai vợ chồng có tài sản chung là một thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12 diện tích 19.040 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất.

4.2. Chia cho chị Cao Thị N: diện tích đất 8.842,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất có tứ cận như sau: phía Nam từ điểm điểm 10 đến điểm 12 giáp đất ông Cao Phường và đường giao thông, phía Tây từ điểm 12 đến điểm 13 giáp giáp khe suối, phía Bắc từ điểm 13 đến 14 giáp đất ông Cao Phường, phía Đông từ điểm 14 đến điểm 09 thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12 (có sơ đồ kèm theo).

4.3. Chia cho anh Cao L: diện tích đất 8.699,7 m<sup>2</sup> gồm hai vị trí thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất: lô u, khoảnh 11, tiểu khu 119, bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất có tứ cận như sau: vị trí 01 từ điểm 06 đến điểm 14, có tứ cận: phía Đông từ điểm 06 đến điểm 07 giáp đường giao thông, phía Nam từ điểm 07 đến điểm 09 giáp đất ông Cao Tiến Hùng và đường giao thông, phía Tây từ điểm 09 đến điểm 14 thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 12, phía Bắc từ điểm 14 đến điểm 06 giáp đất của ông Cao Phường; vị trí 02 từ điểm 01 đến điểm 05, có tứ cận: phía Đông từ điểm 01 đến điểm 03 giáp đất của UBND xã Hóa Sơn quản lý, phía Nam từ điểm 03 đến điểm 04 giáp đất của ông Cao Tiến Hùng, phía Tây từ điểm 04 đến điểm 05 giáp đường

giao thông, phía Bắc từ điểm 05 đến điểm 01 giáp đất ông Cao Phường (có sơ đồ kèm theo).

Chị Cao Thị N và anh Cao L liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện việc tách thửa theo quy định của pháp luật.

4.4. Xác định cây Keo tập trung cao trên 01 m có đường kính 2 cm trên diện tích 15.101,6 m<sup>2</sup> có trị giá: 40.339.000 đ là tài sản chung của chị N và anh L.

4.4.1. Chia cho chị Cao Thị N phần cây Keo trồng tập trung cao trên 01 m có đường kính 2 cm trên đất mà chị N được chia tại vị trí 01 có trị giá: 23.620.000 đ

4.4.2. Chia cho anh Cao L phần cây Keo trồng tập trung cao trên 01 m có đường kính 2 cm trên đất mà anh L được chia tại vị trí 01 có trị giá: 16.720.000đ.

4.4.3. Chị Cao Thị N phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh Cao L số tiền 3.450.000 đ (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: anh Cao L phải trả lại cho chị Cao Thị N số tiền 2.000.000 đ (hai triệu đồng).

6. Về án phí: chị Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000583 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: anh Cao L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/9/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hóa Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đinh Đức Cảnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**